

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
TRƯỜNG SƯ PHẠM
KHOA TOÁN HỌC



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT LẤY Ý KIẾN PHẢN
HỒI VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, CHUẨN ĐẦU
RA VÀ HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ CỦA
NGÀNH ĐẠI SỐ VÀ LÝ THUYẾT SỐ**

Mã ngành: 8460104

Năm 2024

MỤC LỤC

Table of Contents

1. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	3
1.1. Mục đích khảo sát	3
1.2. Phương pháp khảo sát	3
Khảo sát trực tuyến thông qua website:	3
https://khaosat.vinhuni.edu.vn/views/sdhphieukhaosat.aspx	3
1.3. Đối tượng khảo sát	3
1.3.1. Số lượng đối tượng khảo sát.....	3
1.3.2. Thông tin đối tượng khảo sát.....	3
2. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KHẢO SÁT.....	6
2.1. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát giảng viên, nhà khoa học	6
2.1.1. Nội dung, kết quả khảo sát giảng viên, nhà khoa học	6
2.1.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát của giảng viên, nhà khoa học	16
2.2. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát nhà tuyển dụng	21
2.2.1. Nội dung, kết quả khảo sát nhà tuyển dụng	21
2.2.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát nhà tuyển dụng.....	25
2.3. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát cựu học viên	25
2.3.1. Nội dung, kết quả khảo sát cựu học viên.....	25
2.3.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát Cựu học viên	29
2.4. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát học viên khóa học	30
2.4.1. Nội dung, kết quả khảo sát Học viên khóa học	30
2.4.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát học viên khóa học	43
3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT	49
PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.

1. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục đích khảo sát

Nhằm thu thập ý kiến của các bên liên quan để chỉnh sửa, hoàn chỉnh Chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số tiếp cận CDIO, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và chiến lược của trường Đại học Vinh.

1.2. Phương pháp khảo sát

Khảo sát trực tuyến thông qua website:

<https://khaosat.vinhuni.edu.vn/views/sdhphieukhaosat.aspx>

1.3. Đối tượng khảo sát

1.3.1. Số lượng đối tượng khảo sát

Qua phân tích tình hình thực tế và mục đích khảo sát, bộ phận khảo sát xác định đối tượng khảo sát, số lượng khảo sát dự kiến và đã thực hiện trong Bảng 1.1.

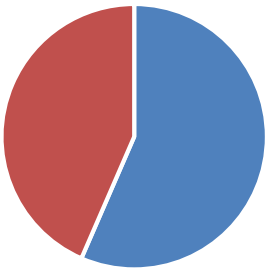
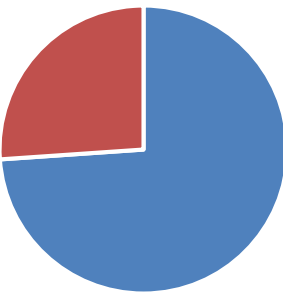
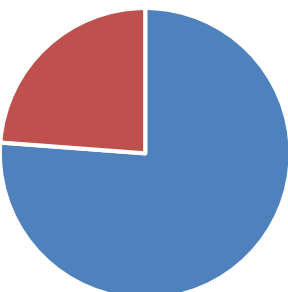
Bảng 1.1. Bảng số lượng đối tượng khảo sát

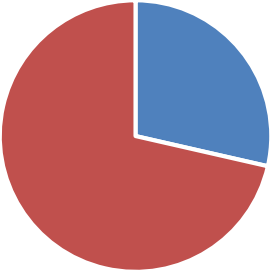
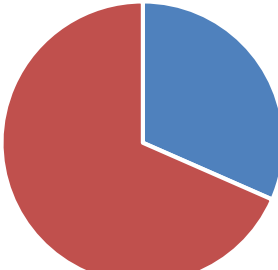
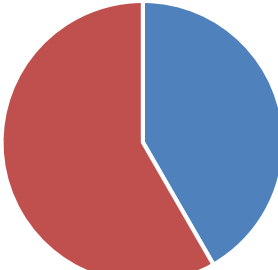
Đối tượng khảo sát								Tổng cộng	
Giảng viên, nhà, Khoa học, chuyên gia		Nhà tuyển dụng		Cựu học viên		Học viên khóa học		Yêu cầu	Đã KS
Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS	Yêu cầu	Đã KS		
16	23	16	21	15	19	10	12	59	75

1.3.2. Thông tin đối tượng khảo sát

Thông tin về giới tính và vị trí công tác của đối tượng khảo sát đã được thống kê như Bảng 1.2:

Bảng 1.2. Bảng thông tin đối tượng khảo sát

STT	Đối tượng khảo sát	Thông tin	Số lượng	Tỷ lệ %	Biểu đồ
1	Giảng viên, Nhà Khoa học	Nam	13	56,52	Giảng viên, Nhà Khoa học  ■ Nam ■ Nữ
		Nữ	10	43,48	
		Trong Khoa	17	73,91	Giảng viên, Nhà Khoa học  ■ Trong Khoa ■ Ngoài Khoa
		Ngoài Khoa	6	26,09	
2	Nhà tuyển dụng	Nam	16	76,19	Nhà tuyển dụng  ■ Nam ■ Nữ
		Nữ	5	23,81	
		Lãnh	6	28,57	

		đạo Sở GD, Phòng GD			Nhà tuyển dụng  ■ Lãnh đạo Sở GD, Phòng GD ■ BGH các trường phổ thông, GD các trung tâm bồi dưỡng
		BGH các trường phổ thông, GD các trung tâm bồi dưỡng	15	71,43	
3	Cựu học viên	Nam	6	31,58	Cựu học viên  ■ Nam ■ Nữ
		Nữ	13	68,42	
4	Học viên về Khóa học	Nam	5	41,67	Học viên về Khóa học  ■ Nam ■ Nữ
		Nữ	7	58,33	

1.4. Các cấp độ đánh giá

Bảng 1.3. Bảng các cấp độ khảo sát

STT	Đối tượng khảo sát	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Mức độ 5
1	Giảng viên	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý một phần	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
2	Nhà tuyển dụng	Rất yếu	Yếu	Trung bình	Khá	Tốt
3	Cựu học viên	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý một phần	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
4	Học viên Khóa học	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Đồng ý một phần	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý

2. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ KHẢO SÁT

2.1. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát giảng viên, nhà khoa học

2.1.1. Nội dung, kết quả khảo sát giảng viên, nhà khoa học

Tổng số người khảo sát: 23

Cấp độ khảo sát:

- (1): Hoàn toàn không đồng ý
- (4) : Đồng ý
- (2) : Không đồng ý
- (5) : Hoàn toàn đồng ý
- (3) : Đồng ý một phần

Bảng 2.1: Số liệu khảo sát về đánh giá CTĐT, CDR, hoạt động đào tạo của giảng viên, nhà Khoa học

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý (1)		Không đồng ý (2)		Đồng ý một phần (3)		Đồng ý (4)		Hoàn toàn đồng ý (5)	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
I. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo thạc sĩ (viết tắt là CDR)										
1. CDR phản ánh được triết lí giáo dục của	0	0	0	0	1	4,34	11	47,83	11	47,83

Nhà trường										
2. CDR phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường	0	0	0	0	1	4,34	11	47,8 ₃	11	47,83
3. CDR bao gồm đầy đủ chuẩn đầu ra chung (generic PLOs) và chuẩn đầu ra chuyên ngành (subject-specific PLOs)	0	0	0	0	1	4,34	11	47,8 ₃	11	47,83
4. CDR rõ ràng và đo lường được	0	0	0	0	2	8,69	12	52,1 ₇	9	39,14
5. CDR phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan	0	0	0	0	2	8,69	12	52,1 ₇	9	39,14
6. CDR được chuyển tải đầy đủ vào CTĐT	0	0	0	0	2	8,69	10	43,4 ₈	11	47,83
7. Thầy/cô được phổ biến, góp ý về CDR	0	0	0	0	1	4,34	12	52,1 ₇	10	43,49
II. Bản mô tả Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ										
8. Được phổ biến công khai cho người học và các đối tượng liên quan	0	0	0	0	1	4,34	12	52,1 ₇	10	43,49
9. Cung cấp đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0	0	0	0	1	4,34	11	47,8 ₃	11	47,83
10. Cung cấp đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng lao động hiểu về năng lực và các kỹ năng khác	0	0	0	0	2	8,69	13	56,5 ₂	8	34,79

được trang bị thông qua CTĐT										
III. Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ										
11. Nội dung, cấu trúc CTĐT bao gồm đầy đủ các học phần chung, cơ sở ngành, chuyên ngành, luận văn tốt nghiệp.	0	0	0	0	1	4,34	11	47,8 ₃	11	47,83
12. Nội dung CTĐT được đánh giá định kỳ nhằm đảm bảo tính chặt chẽ, hệ thống và cập nhật.	0	0	0	0	2	8,69	10	43,4 ₈	11	47,83
13. Nội dung CTĐT có tỷ lệ giữa lý thuyết và thực hành hợp lý theo cấu trúc chuẩn đầu ra của CTĐT.	0	0	0	0	1	4,34	11	47,8 ₃	11	47,83
14. Mỗi học phần có sự đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của CTĐT.	0	0	0	0	1	4,34	13	56,5 ₂	9	39,14
15. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của CTĐT là phù hợp	0	0	0	0	2	8,69	12	52,1 ₇	9	39,14
16. Thời gian đào tạo của CTĐT là phù hợp	0	0	0	0	1	4,34	13	56,5 ₂	9	39,14
17. Thầy/Cô được tham gia thảo luận, phát	0	0	0	0	1	4,34	11	47,8 ₃	11	47,83

triển chương trình đào tạo qua các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp.										
18. Thầy/Cô hiểu rõ các yêu cầu và đã triển khai xây dựng, cập nhật, phổ biến đề cương học phần cho người học.	0	0	0	0	1	4,34	12	52,1 7	10	43,49
19. Đề cương học phần cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học đạt được CĐR của học phần	0	0	0	0	1	4,34	13	56,5 2	9	39,14
IV. Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ										
20. Thầy/Cô được yêu cầu sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy và chú trọng việc tổ chức hoạt động học tập theo CĐR	0	0	0	0	1	4,34	14	60,8 7	8	34,79
21. PPGD đang áp dụng phù hợp với việc đạt được CĐR của học phần và CTĐT	0	0	0	0	2	8,69	14	60,8 7	7	30,44
22. GV được chủ động lựa chọn PPGD và áp dụng PPGD phù hợp với đặc thù học phần	0	0	0	0	1	4,34	13	56,5 2	9	39,14
23. Hoạt động dạy và học thúc đẩy khả	0	0	0	0	1	4,34	14	60,8 7	8	34,79

năng học tập suốt đời của người học										
24. Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học là phù hợp để đánh giá theo chuẩn đầu ra của CTĐT	0	0	0	0	1	4,34	14	60,8 ₇	8	34,79
25. Thầy/cô được phổ biến chiến lược dạy và học của CTĐT	0	0	0	0	1	4,34	14	60,8 ₇	8	34,79
V. Hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng phục vụ CTĐT SDH										
26. Việc triển khai dạy và học thông qua hoạt động, học lý thuyết kết hợp với thực hành, diễn ra thuận lợi trong điều kiện đào tạo thực tế.	0	0	0	0	2	8,69	12	52,1 ₇	9	39,14
27. Việc sử dụng công nghệ thông tin (eLearning, các công cụ hỗ trợ) để hỗ trợ dạy học ở đơn vị thuận lợi và được đáp ứng đầy đủ.	0	0	0	0	2	8,69	12	52,1 ₇	9	39,14
28. Hoạt động dạy và học diễn ra đúng kế hoạch.	0	0	0	0	2	8,69	13	56,5 ₂	8	34,79
29. Hoạt động dạy và học được người học phản hồi, đánh giá thường xuyên	0	0	0	0	3	13,04	12	52,1 ₇	8	34,79

30. Thầy/Cô nhận được và có xem xét những kết quả đánh giá của người học về hoạt động dạy và học của mình.	0	0	0	0	3	13,04	12	52,1 7	8	34,79
31. Thầy/Cô có phản hồi, đánh giá về hoạt động đào tạo và chất lượng phục vụ dạy học của Trường/Đơn vị thông qua các hình thức khác nhau	0	0	0	0	2	8,69	14	60,8 7	7	30,44
32. Ý kiến phản hồi của Thầy/Cô về hoạt động giảng dạy và chất lượng phục vụ dạy học, cơ sở vật chất được Trường/Đơn vị liên quan tiếp thu và giải quyết nhanh chóng.	0	0	0	0	1	4,34	16	69,5 7	6	26,09
33. Thầy/Cô được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia đánh giá các học phần, hướng dẫn người học thực hiện nghiên cứu và bảo vệ luận văn tốt nghiệp.	0	0	0	0	1	4,34	14	60,8 7	8	34,79

VI. Đánh giá về người học và chính sách liên quan										
34. Người học có đủ năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu học tập	0	0	0	0	5	21,74	16	69,5 7	2	8,69
35. Người học có đủ năng lực kiến thức để tiếp thu nội dung học tập	0	0	0	0	5	21,74	16	69,5 7	2	8,69
36. Người học tích cực và chủ động trong hoạt động học, làm việc nhóm, giải quyết các yêu cầu mà giảng viên đưa ra	0	0	0	0	4	17,39	17	73,9 2	2	8,69
37. Người học có nhiều cơ hội về học bổng và giao lưu học thuật.	0	0	0	0	2	8,69	18	78,2 7	3	13,04
38. Hoạt động của chủ nhiệm chuyên ngành là hiệu quả và thiết thực đối với người học.	0	0	0	0	2	8,69	15	65,2 2	6	26,09
39. Chính sách tuyển sinh của Trường/Đơn vị là phù hợp để đảm bảo chất lượng đầu vào đáp ứng yêu cầu đào tạo	0	0	0	0	3	13,04	16	69,5 7	4	17,39
40. Chất lượng người học tốt nghiệp năm sau tốt hơn năm trước	0	0	0	0	6	26,08	15	65,2 3	2	8,69
41. Người học nhìn chung có ưu điểm về các kỹ năng sau đây:										
41.1. Kỹ năng	0	0	0	0	7	30,43	14	60,8	2	8,69

sử dụng ngoại ngữ								8		
41.2. Kỹ năng sử dụng tin học	0	0	0	0	2	8,69	18	78,2 ₇	3	13,04
41.3. Kỹ năng giao tiếp thuyết trình	0	0	0	0	2	8,69	19	82,6 ₂	2	8,69
41.4. Kỹ năng lập kế hoạch, giải quyết vấn đề	0	0	0	0	3	13,04	18	78,2 ₇	2	8,69
41.5. Kỹ năng làm việc theo nhóm	0	0	0	0	2	8,69	18	78,2 ₇	3	13,04
41.6. Kỹ năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu	0	0	0	0	4	17,39	17	73,9 ₂	2	8,69
41.7. Kỹ năng viết báo cáo	0	0	0	0	3	13,04	18	78,2 ₇	2	8,69
41.8. Kỹ năng thu thập, xử lý, đánh giá thông tin	0	0	0	0	4	17,39	17	73,9 ₂	2	8,69
41.9. Kỹ năng tư duy phản biện	0	0	0	0	4	17,39	17	73,9 ₂	2	8,69
41.10. Kỹ năng lãnh đạo	0	0	0	0	6	26,09	15	65,2 ₂	2	8,69
VII. Đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất										
42. Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phục vụ (văn thư, giáo vụ, thư viện,...) của Khoa/Chương trình.	0	0	0	0	1	4,34	14	60,8 ₇	8	34,79
43. Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phụ	0	0	0	0	1	4,34	14	60,8 ₇	8	34,79

trách cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị dạy học,...)										
44. Thầy/Cô được cung cấp đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, phòng tư vấn người học ngoài giờ.	0	0	0	0	2	8,69	13	56,5 2	8	34,79
45. Điều kiện phòng học/phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy học (máy tính, máy chiếu, dụng cụ thí nghiệm, hóa chất,...) luôn trong tình trạng tốt, đáp ứng việc giảng dạy.	0	0	0	0	2	8,69	15	65,2 2	6	26,09
46. Thư viện Trường có đầy đủ và cập nhật về tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học.	0	0	0	0	2	8,69	16	69,5 7	5	21,74
47. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác.	0	0	0	0	3	13,04	13	56,5 2	7	30,44
48. Các quy định phúc khảo, chấm bài	0	0	0	0	1	4,34	14	60,8 7	8	34,79

thi, quản lý bài thi hợp lý.										
49. Thầy/Cô hài lòng về chất lượng phục vụ của các đơn vị, thành phần sau đây:										
49.1. Phòng Hành chính tổng hợp	0	0	0	0	1	4,34	17	73,9 2	5	21,74
49.2. Phòng Đào tạo Sau đại học	0	0	0	0	1	4,34	16	69,5 7	6	26,09
49.3. Phòng Công tác chính trị, học sinh - sinh viên	0	0	0	0	1	4,34	16	69,5 7	6	26,09
49.4. Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế	0	0	0	0	1	4,34	17	73,9 2	5	21,74
49.5. Trung tâm Đảm bảo chất lượng	0	0	0	0	1	4,34	16	69,5 7	6	26,09
49.6. Phòng Kế hoạch -Tài chính	0	0	0	0	1	4,34	17	73,9 2	5	21,74
49.7. Phòng Quản trị và Đầu tư	0	0	0	0	1	4,34	16	69,5 7	6	26,09
49.8. Phòng Thanh tra - Pháp chế	0	0	0	0	1	4,34	17	73,9 2	5	21,74
49.9. Trạm y tế trường	0	0	0	0	1	4,34	17	73,9 2	5	21,74
49.10. Trung tâm Thông tin, thư viện Nguyễn Thúc Hào	0	0	0	0	1	4,34	17	73,9 2	5	21,74
49.11. Tổ bảo vệ, nhà xe cán bộ	0	0	0	0	1	4,34	17	73,9 2	5	21,74
49.12. Trợ giảng, cán bộ phục vụ/phụ trách phòng thí nghiệm thực hành	0	0	0	0	3	13,04	15	65,2 2	5	21,74

50. Xin thầy/cô cho ý kiến về nội dung cần cải tiến, sửa đổi của CTĐT (CĐR, cấu trúc, nội dung CTĐT, cơ sở vật chất, hỗ trợ, ...)

Có 2 người có ý kiến:

- 1 ý kiến : “ Cơ sở đào tạo sau đại học nên mua thêm bản quyền một số phần mềm toán - tin phục vụ học tập và nghiên cứu. Đối tượng theo học chủ yếu là giáo viên dạy toán nên chương trình đào tạo cần gắn với những kinh nghiệm giảng dạy của họ.”

- 1 ý kiến : “ Cần nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường hỗ trợ người học.”

2.1.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát của giảng viên, nhà khoa học

Nhận xét:

- *CĐR của CTĐT thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số:*

+ Hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý với các nội dung CĐR của CTĐT đã phát biểu.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” các nội dung CĐR của CTĐT đã phát biểu.

- *Bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số:*

+ Hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên về tính công khai, cung cấp đủ thông tin của bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ cho người học, nhà tuyển dụng.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý”.

+ Dưới 10% số giảng viên và nhà khoa học chọn đồng ý một phần về tính công khai, cung cấp đủ thông tin của bản mô tả CTĐT trình độ thạc sĩ cho người học, nhà tuyển dụng.

- *Cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số:*

+ Hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên về cấu trúc và CTĐT thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số.

+ Dưới 10% số giảng viên và nhà khoa học đồng ý một phần về cấu trúc và CTĐT thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý”.

- *Phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số:*

+ Hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số.

+ Dưới 10% số giảng viên và nhà khoa học đồng ý một phần.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số.

- *Hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng phục vụ CTĐT SDH:*

+ Hầu hết các nội dung trong khảo sát này đều được hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên; có 2 nội dung: “Hoạt động dạy và học được người học phản hồi, đánh giá thường xuyên” và “Thầy/Cô nhận được và có xem xét những kết quả đánh giá của người học về hoạt động dạy và học của mình” chỉ đạt 87% ý kiến đồng ý

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “Không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” về hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng phục vụ CTĐT trình độ thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số.

- *Đánh giá về người học và chính sách liên quan trong hoạt động đào tạo thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số:*

+ Hầu hết hơn 80% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên với các nội dung khảo sát về người học và chính sách liên quan, ngoại trừ 3 nội dung về “Chất lượng người học tốt nghiệp năm sau tốt hơn năm trước”, “Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ”, “kỹ năng lãnh đạo” (nội dung số 40, 41.1 và 41.10) chỉ đạt mức 70-75% đồng ý trở lên, có khoảng 25-30% ý kiến chỉ đồng ý một phần ở những nội dung này.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” với các đánh giá về người học và chính sách liên quan trong hoạt động đào tạo thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số.

- *Đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất:*

+ Hầu hết hơn 90% giảng viên, nhà khoa học đồng ý trở lên với các nội dung khảo sát đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất.

+ Không có giảng viên, nhà khoa học nào chọn “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý” với các đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất.

- *Ý kiến khác về vấn đề cần cải tiến và sửa đổi (tương ứng nội dung số 50):* Có 2 người có ý kiến: một ý kiến cho rằng “Cơ sở đào tạo sau đại học nên mua thêm bản quyền một số phần mềm toán - tin phục vụ học tập và nghiên cứu. Đối tượng theo học chủ yếu là giáo viên dạy toán nên chương trình đào tạo cần gắn với những kinh nghiệm giảng dạy của họ.” Một ý kiến khác: “Cần nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường hỗ trợ người học.”.

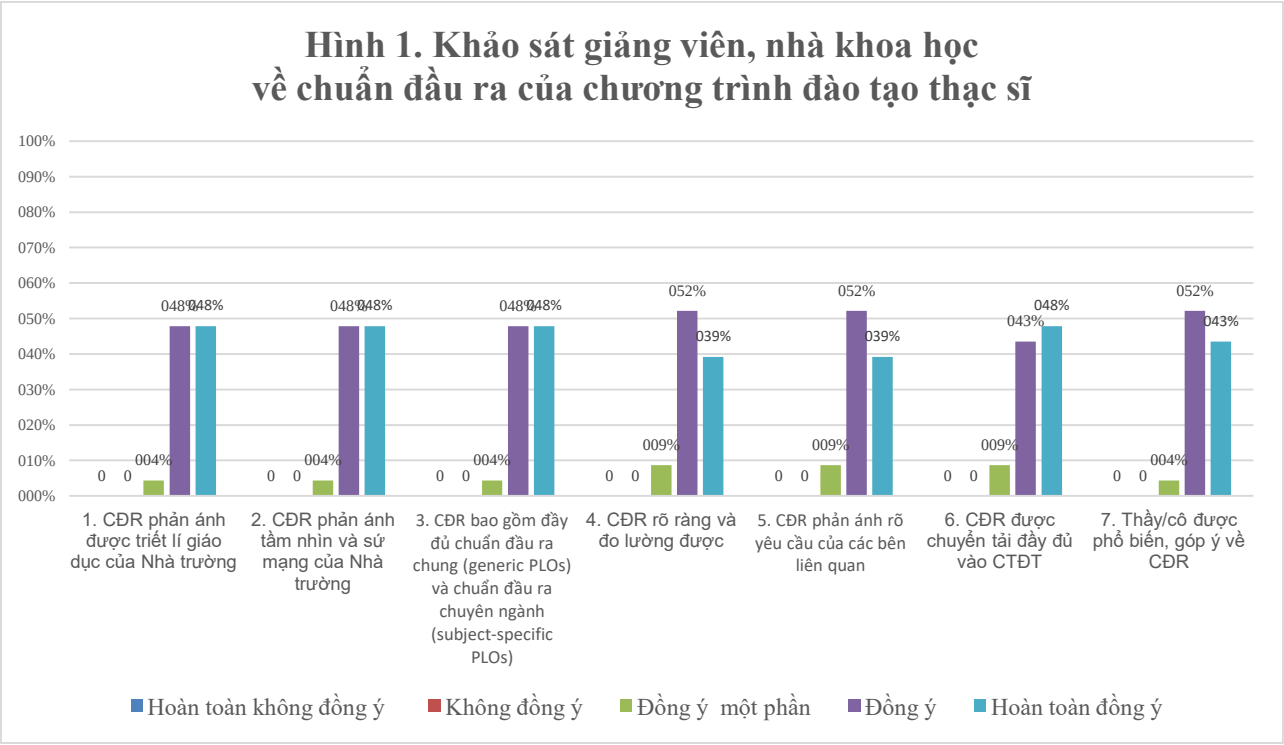
Đánh giá:

Tại các nội dung khảo sát: *CĐR của CTĐT, bản mô tả CTĐT, cấu trúc và nội dung Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá, đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất* tỷ lệ các giảng viên, nhà khoa

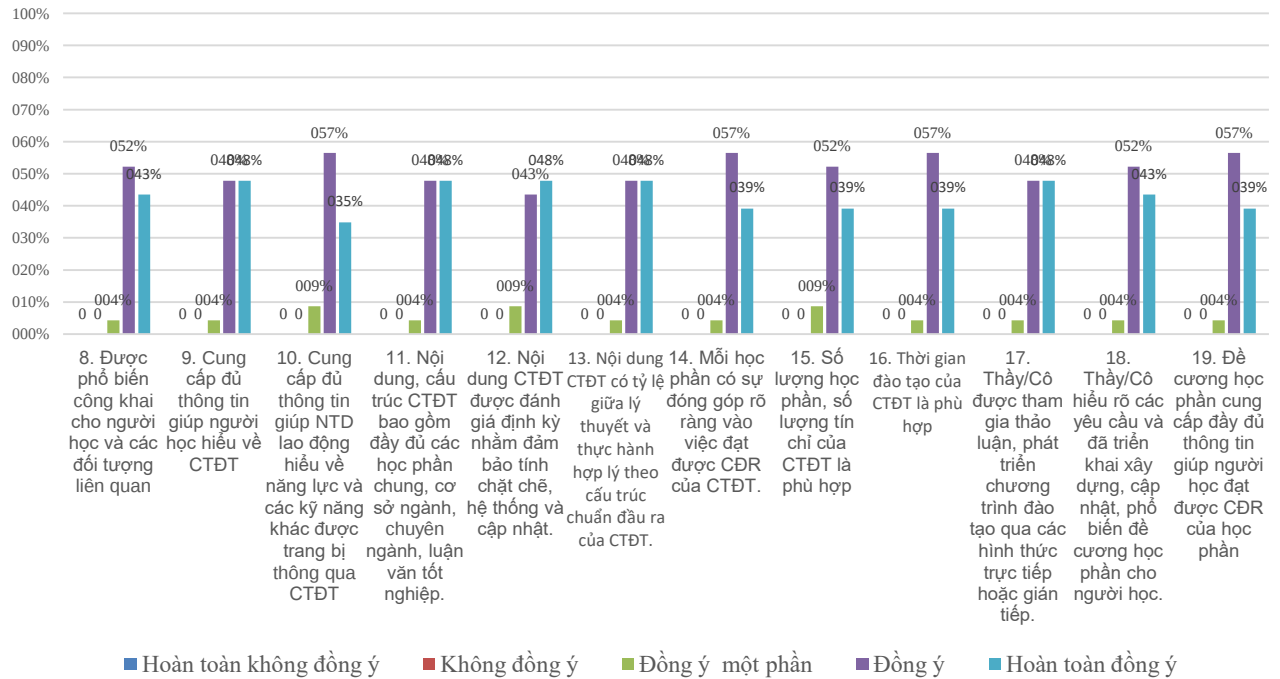
học chọn mức đồng ý trở lên khá cao (từ 80% trở lên). Riêng nội dung đánh giá về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ đáp ứng nhiệm vụ học tập của người học, phần lớn giảng viên không hoàn toàn đồng ý. Điều đó cho thấy rằng cần phải nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngoại ngữ cho các học viên cao học ngành Đại số và lý thuyết số đáp ứng nhiệm vụ học tập cũng yêu cầu nghề nghiệp.

Trong tất cả các nội dung khảo sát, không có nội dung nào mà giảng viên, nhà khoa học chọn ở mức “không đồng ý” hoặc “hoàn toàn không đồng ý”, tỷ lệ chọn mức “đồng ý một phần” rất ít.

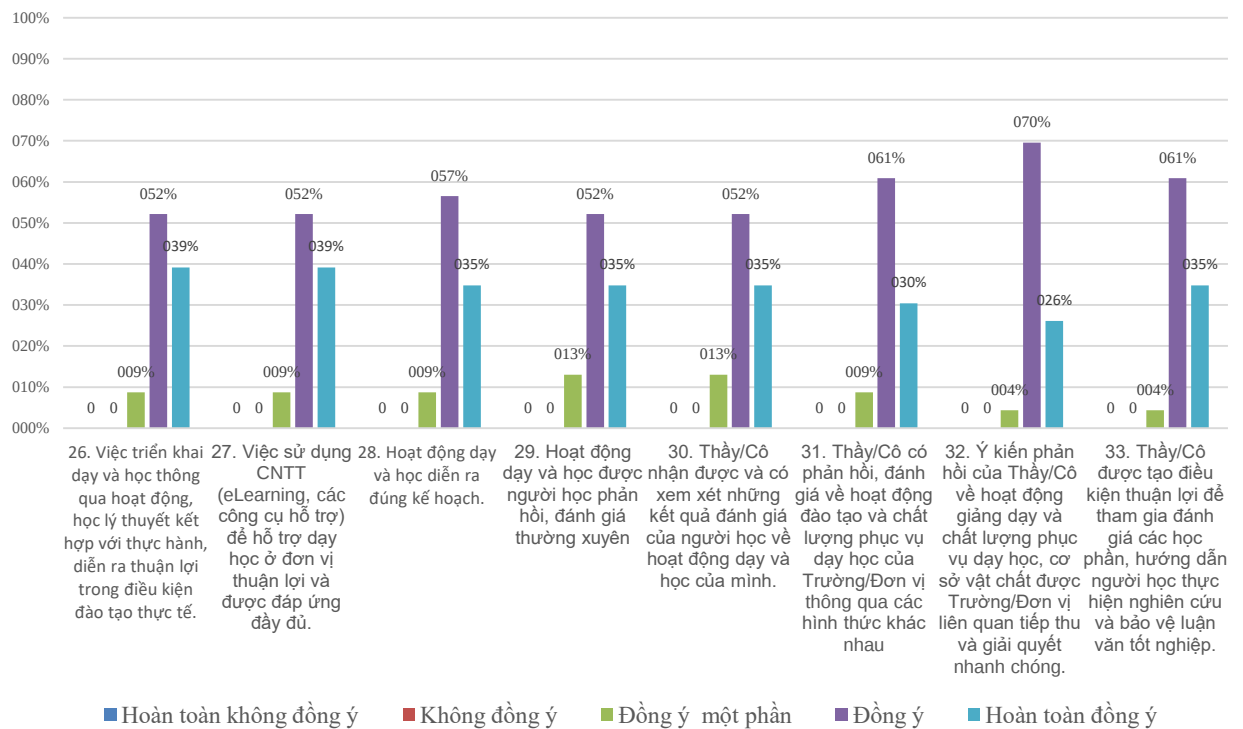
Với các ý kiến ở nội dung 50 kết hợp với nội dung 4, 32 cho thấy cần phát biểu CDR sao cho có thể đo lường đánh giá được và đồng thời cần nâng cấp cơ sở vật chất, tăng cường hỗ trợ người học, chẳng hạn nên mua thêm bản quyền một số phần mềm toán - tin phục vụ học tập và nghiên cứu. Đối tượng theo học chủ yếu là giáo viên dạy toán nên chương trình đào tạo cần gắn với những kinh nghiệm giảng dạy của họ.



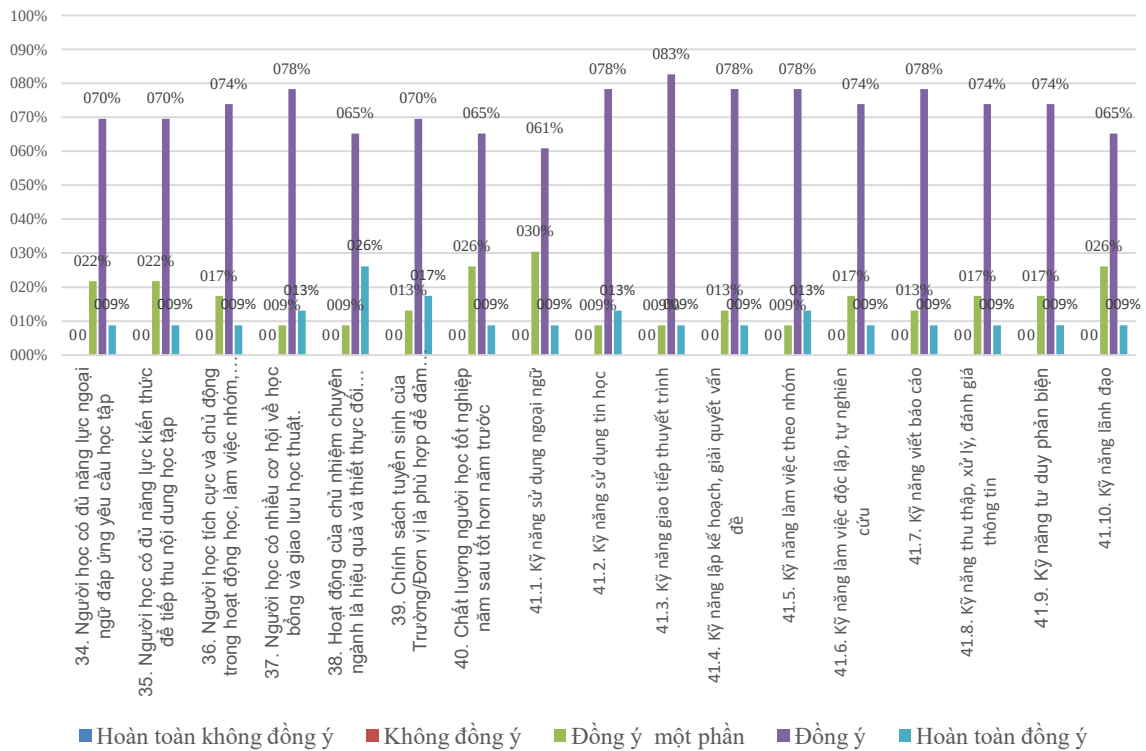
**Hình 2. Khảo sát giảng viên, nhà khoa học về bản mô tả
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và cấu trúc và nội dung
Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ**



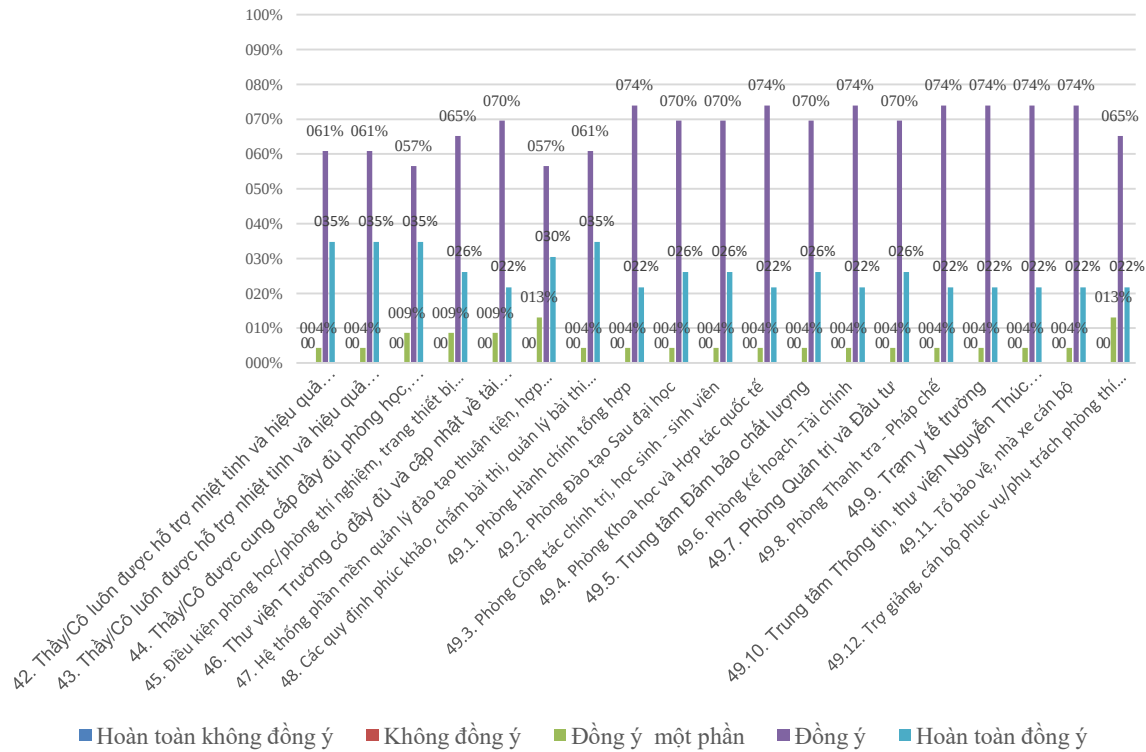
Hình 3. Khảo sát giảng viên, nhà khoa học về hoạt động đào tạo, đảm bảo chất lượng phục vụ CTĐT SDH



Hình 4. Khảo sát giảng viên, nhà khoa học về đánh giá về người học và chính sách liên quan



Hình 5. Khảo sát giảng viên, nhà khoa học về đánh giá cán bộ phục vụ, cơ sở vật chất



2.2. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát nhà tuyển dụng

2.2.1. Nội dung, kết quả khảo sát nhà tuyển dụng

Tổng số người khảo sát: 21

Cấp độ khảo sát: (1): Rất yếu (2) : Yếu (3) : Trung bình

(4) : Khá (5) : Tốt

Bảng 2.2: Số liệu khảo sát về đánh giá CDR của CTĐT của nhà tuyển dụng

	Rất yếu (1)		Yếu (2)		Trung bình (3)		Khá (4)		Tốt (5)	
Nội dung (CDR)	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
I. Kiến thức, kỹ năng										
1. Kiến thức chuyên ngành	0	0	0	0	0	0	2	9,52	19	90,48
2. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ	0	0	1	4,76	2	9,52	14	66,67	4	19,05
3. Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin	0	0	0	0	1	4,76	5	23,81	15	71,43
4. Kỹ năng thực hành, sử dụng trang thiết bị hiện đại	0	0	0	0	1	4,76	8	38,1	12	57,14
5. Kỹ năng xác định	0	0	0	0	1	4,76	1	4,76	19	90,48

mục tiêu công việc										
6. Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối	0	0	0	0	1	4,76	3	14,29	17	80,95
7. Kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	21	100
8. Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo	0	0	0	0	1	4,76	1	4,76	19	90,48
9. Kỹ năng làm việc nhóm	0	0	0	0	1	4,76	2	9,52	18	85,72
10. Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình	0	0	0	0	0	0	2	9,52	19	90,48
11. Kỹ năng lãnh đạo	0	0	0	0	2	9,52	6	28,57	13	61,91
12. Kỹ năng	0	0	0	0	0	0	4	19,05	17	80,95

viết báo cáo										
13. Kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin	0	0	0	0	1	4,76	3	14,29	17	80,95
II. Về thái độ										
14. Hăng say, nhiệt tình đối với công việc	0	0	0	0	0	0	2	9,52	19	90,48
15. Năng động, sáng tạo trong công việc	0	0	0	0	1	4,76	2	9,52	18	85,72
16. Có tinh thần học hỏi, khắc phục mọi khó khăn để vươn lên	0	0	0	0	1	4,76	1	4,76	19	90,48
17. Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp	0	0	0	0	0	0	1	4,76	20	95,24

18. Xin quý vị cho biết học viên cao học cần bổ sung kiến thức, kỹ năng gì:

Có 4 người cho ý kiến như sau:

+ Cần thêm kiến thức liên hệ sát hơn cho công việc thực tế, thêm kỹ năng tư duy điểm đích.

+ Cần bổ sung kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục.

+ 2 người có ý kiến là: Không.

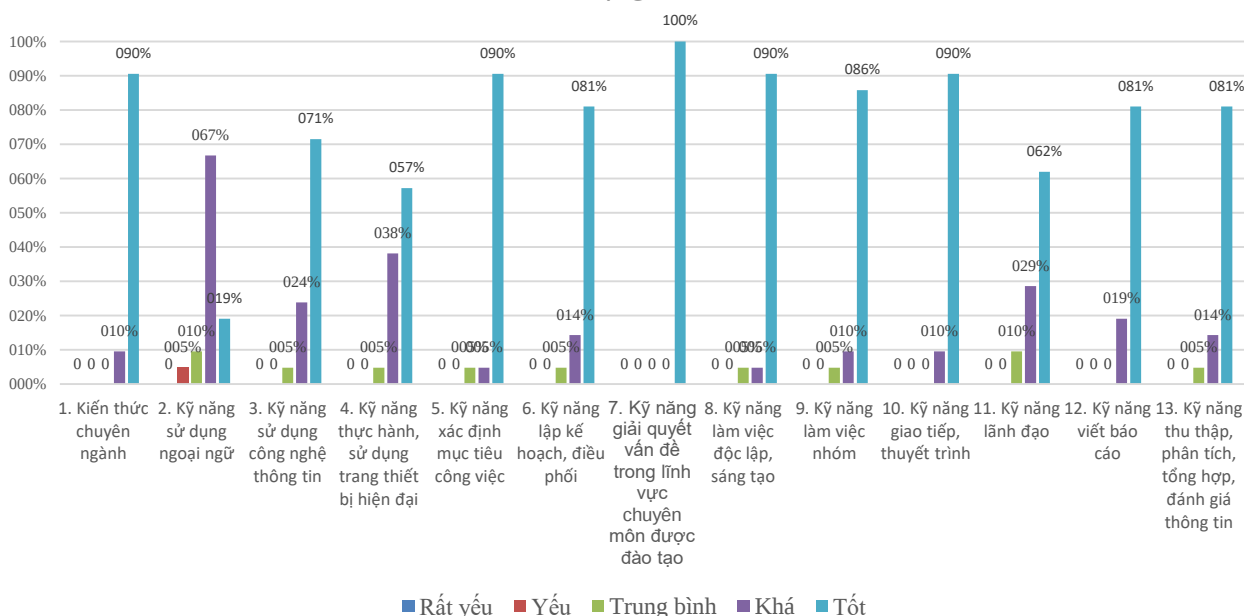
19. Xin quý vị cho biết trong thời gian tới cơ quan của quý vị có nhu cầu tuyển dụng thêm học viên cao học của Trường Đại học Vinh hay không?

Có 7 người cho ý kiến cụ thể như sau:

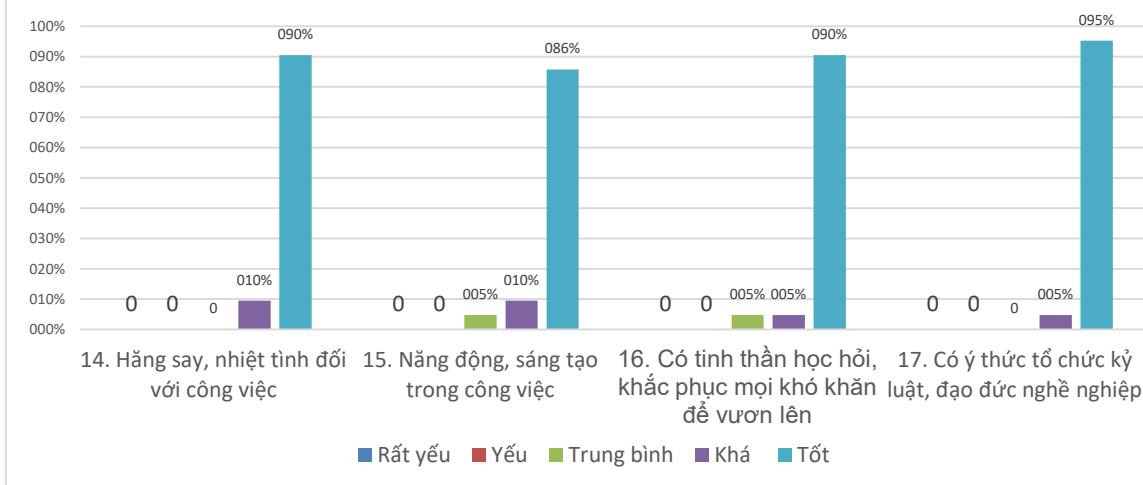
+ Có 6 người cho ý kiến là: Có.

+ Có 1 người cho ý kiến: Không.

Hình 1. Khảo sát nhà tuyển dụng về kiến thức, kỹ năng của học viên



Hình 2. Khảo sát mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng về thái độ của người học



2.2.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát nhà tuyển dụng

Nhận xét:

- Hầu hết các CĐR về mức độ đáp ứng của học viên cao học đều được đánh giá cấp độ tốt (cấp độ 5), ngoại trừ kỹ năng sử dụng ngoại ngữ có tỷ lệ phần trăm đánh giá loại tốt chỉ đạt 19,05%.
- Có 1 CĐR đánh giá về mức độ đáp ứng của học viên cao học đạt loại yếu (cấp độ 2) với số lượng người đánh giá 1 người tương ứng 4,76% số người đó là CĐR về kỹ năng sử dụng ngoại ngữ
- Có các ý kiến khác tương ứng câu hỏi 18 -19:
 - + Trong đó nhấn mạnh cần bổ sung thêm kiến thức liên hệ sát hơn cho công việc thực tế, thêm kỹ năng tư duy điểm đích; Cần bổ sung kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục.
 - + Về nhu cầu tuyển dụng: Có 6 ý kiến có nhu cầu tuyển dụng học viên cao học chuyên ngành Đại số và lý thuyết số, 1 ý kiến không có nhu cầu, và số người còn lại không có ý kiến về vấn đề này.

Đánh giá:

Các nhà tuyển dụng được khảo sát cho rằng các CĐR hầu hết đáp ứng từ mức khá trở lên. Tuy nhiên các CĐR của CTĐT chuyên ngành Đại số và lý thuyết số chưa đáp ứng tốt tại một số kỹ năng như kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, kỹ năng lãnh đạo, thiết lập kế hoạch, điều phối, mục tiêu công việc. Vì vậy cần có sự cải tiến nhằm khắc phục các vấn đề này.

2.3. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát cựu học viên

2.3.1. Nội dung, kết quả khảo sát cựu học viên

Tổng số người khảo sát: 19

Cấp độ khảo sát: (1): Hoàn toàn không đồng ý (4) : Đồng ý
(2) : Không đồng ý (5) : Hoàn toàn đồng ý
(3) : Đồng ý một phần

Bảng 2.3: Số liệu khảo sát về đánh giá chương trình đào tạo Thạc sĩ của Nhà trường

	Hoàn toàn không đồng ý (1)		Không đồng ý (2)		Đồng ý một phần (3)		Đồng ý (4)		Hoàn toàn đồng ý (5)	
Nội dung	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng.	0	0	0	0	0	0	2	10,53	17	89,47
2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường có chiến lược dạy-học và phương pháp kiểm tra đánh giá hợp lý.	0	0	0	0	0	0	3	15,79	16	84,21
3. Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường cân đối, hợp lý	0	0	0	0	0	0	6	31,58	13	68,42
4. Số	0	0	0	0	0	0	4	21,05	15	78,95

lượng học phần học tập, số lượng tín chỉ của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ là phù hợp										
5. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp	0	0	0	0	0	0	3	15,79	16	84,21
6. Tổ chức thực hiện luận văn tốt nghiệp hợp lý và hiệu quả	0	0	0	0	0	0	4	21,05	15	78,95
7. Kiến thức, kỹ năng học được ở trường giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời	0	0	0	0	0	0	4	21,05	15	78,95
8. Kiến thức trong các học phần và luận văn tốt nghiệp giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp.	0	0	0	0	0	0	6	31,58	13	68,42
9. Năng	0	0	0	0	0	0	5	26,32	14	73,68

lực ngoại ngữ được tích lũy tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị										
10. Các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, giao tiếp- thuyết trình, tư duy phản biện, nghiên cứu khoa học,...) được đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị	0	0	0	0	0	0	5	26,32	14	73,68
11. Anh/chị hài lòng với chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ của Nhà trường mà anh/chị đã học	0	0	0	0	0	0	3	15,79	16	84,21

Các thông tin bổ sung đã được khảo sát:

12. Anh/chị đánh giá mức độ đáp ứng (đạt/chưa đạt) các chuẩn đầu ra sau đây của chương trình đào tạo khi so sánh với yêu cầu của công việc?

- Không có ý kiến.

13. Theo anh/chị, nội dung chương trình đào tạo của chuyên ngành mà anh/chị đã học cần được cải tiến, bổ sung ở các phần nào sau đây (cấu trúc, kiến thức, kỹ năng, phương pháp kiểm tra, đánh giá, ...)

Có 9 người có ý kiến như sau:

- 1 ý kiến : Nội dung chương trình đào tạo hợp lý, phù hợp với học viên mặc dù một số kiến thức "hơi nặng" với học viên. Về phần phương pháp kiểm tra nên tăng cường về làm tiểu luận để học viên có thời gian chuẩn bị chu đáo bài làm của mình.

- 1 ý kiến: Kỹ năng.

- 3 ý kiến: Không cần phải cải tiến

- 1 ý kiến: Kỹ thực?

- 1 ý kiến: Tăng cường sự vận dụng của kiến thức được học vào giải quyết các vấn đề của công việc hiện tại.

- 1 ý kiến: Chương trình đào tạo đã hoàn toàn phù hợp với trình độ thạc sĩ và hội nhập quốc tế trong thời đại mới.

- 1 ý kiến: Kiến thức, luận văn nếu gần với chương trình phổ thông thì tốt hơn!

14. Sau khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ anh/chị có thay đổi vị trí việc làm không?

- 4 người (21,05%) chọn phương án: Có

- 15 người (78,95%) chọn phương án: Không

15. Từ khi tốt nghiệp trình độ thạc sĩ anh/chị có thăng tiến trong công việc không?

- 11 người (57,89%) chọn phương án: Có

- 8 người (42,11%) chọn phương án: Không

2.3.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát Cựu học viên

Nhận xét:

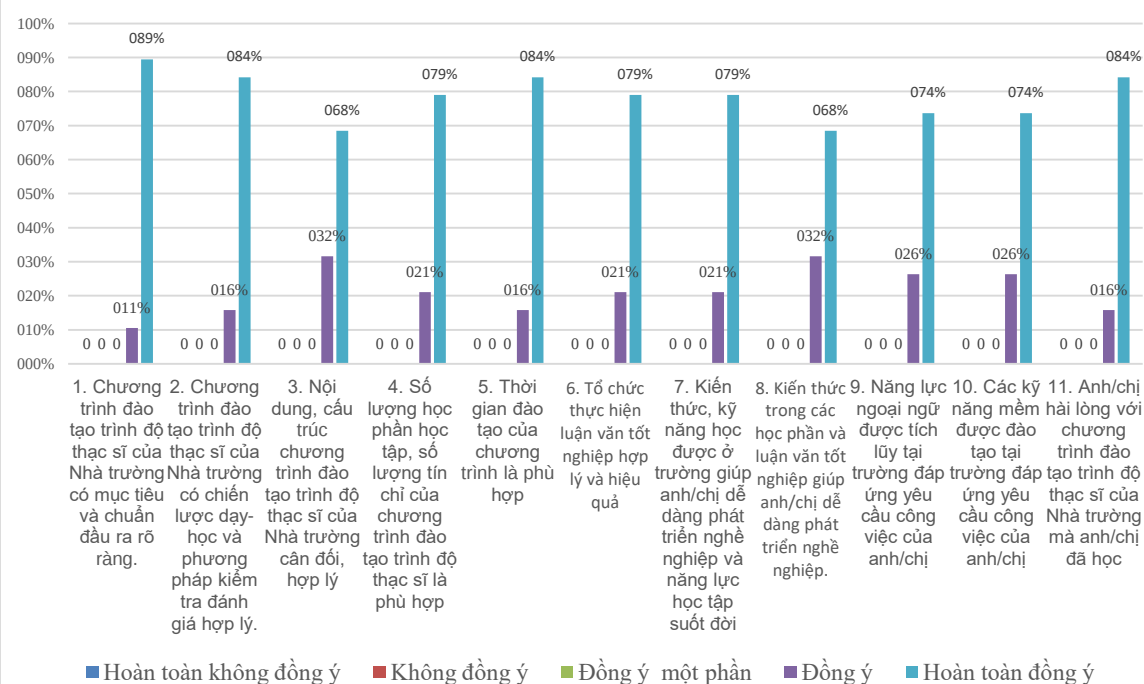
- 100% cựu học viên chọn mức “đồng ý trở lên” với các ý kiến được hỏi về CTĐT thạc sĩ.

Đánh giá:

Tất cả các cựu học viên được khảo sát đã đồng ý trở lên về sự hợp lý, rõ ràng, hiệu quả, phù hợp đáp ứng nghề nghiệp của CTĐT thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số.

Thông qua các ý kiến bổ sung ở câu khảo sát số 13 và các kết quả chưa hoàn toàn đồng ý ở câu khảo sát số 1-11 cho thấy CTĐT thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số cần cải tiến theo hướng tăng cường các kỹ năng thực hành, thực tế.

Hình 1. Khảo sát cựu học viên



2.4. Nội dung, kết quả và đánh giá, nhận xét khảo sát học viên khóa học

2.4.1. Nội dung, kết quả khảo sát Học viên khóa học

Tổng số người khảo sát: 12

* Cấp độ khảo sát CTĐT:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| (1): Hoàn toàn không đồng ý | (4): Đồng ý |
| (2): Không đồng ý | (5): Hoàn toàn đồng ý |
| (3): Đồng ý một phần | |

* Cấp độ khảo sát CDR:

- (1): Đạt
(2): Không đạt

* Cấp độ khảo sát đánh giá hoạt động đào tạo:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| (1): Hoàn toàn không đồng ý | (4): Đồng ý |
| (2): Không đồng ý | (5): Hoàn toàn đồng ý |
| (3): Đồng ý một phần | |

Câu 25: (1): Có; (2): Không

* Cấp độ khảo sát đánh giá về hệ thống phục vụ đào tạo của trường:

- | | |
|-----------------------------|-----------------------|
| (1): Hoàn toàn không đồng ý | (4): Đồng ý |
| (2): Không đồng ý | (5): Hoàn toàn đồng ý |

(3) : Đồng ý một phần

Câu 39: (1): Chưa tiếp xúc hoặc không có ý kiến

(2): Không hài lòng

(3): Hài lòng

Bảng 2.4: Số liệu khảo sát về đánh giá CTĐT, CDR, hoạt động đào tạo, hoạt động phục vụ đào tạo của học viên khóa học

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý (1)		Không đồng ý (2)		Đồng ý một phần (3)		Đồng ý (4)		Hoàn toàn đồng ý (5)	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
I. CTĐT CHUNG VÀ CDR										
1. Chương trình đào tạo có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng	0	0	0	0	0	0	4	33,33	8	66,67
2. Chương trình đào tạo có chiến lược dạy-học và phương pháp kiểm tra-đánh giá hợp lý	0	0	0	0	0	0	4	33,33	8	66,67
3. Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành	0	0	0	0	0	0	4	33,33	8	66,67
4. Nội dung chương trình có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành	0	0	0	0	0	0	6	50	6	50
5. Số lượng học phần, số	0	0	0	0	0	0	4	33,33	8	66,67

lượng tín chỉ của chương trình là phù hợp										
6. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp	0	0	0	0	0	0	5	41,67	7	58,33
7. Tổ chức thực hiện luận văn tốt nghiệp hợp lý và hiệu quả	0	0	0	0	1	8,33	3	25	8	66,67
8. Anh/chị hài lòng với chương trình đào tạo mà anh/chị đã học	0	0	0	0	1	8,33	3	25	8	66,67
9. Anh/chị đánh giá mức độ bản thân đạt được các chuẩn đầu ra sau đây của chương trình khi hoàn thành khóa học:										
Chuẩn đầu ra theo định hướng ứng dụng			Đạt				Không đạt			
			Số người		Tỷ lệ %		Số người		Tỷ lệ %	
1. Kiến thức ngành và chuyên ngành										
PLO1.1. Vận dụng sáng tạo các kiến thức nền tảng của Toán học hiện đại và một số lĩnh vực liên quan trong giảng dạy, ứng dụng Đại số và lý thuyết số phù hợp với thực tiễn hoạt động chuyên môn.			12		100		0		0	
PLO1.2. Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, cập nhật, tiên tiến về lĩnh vực Đại số và lý thuyết số để ứng dụng vào giảng dạy và thực tiễn hoạt động chuyên môn.			12		100		0		0	
2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp										
PLO2.1. Thành thạo kỹ năng khai thác ứng dụng Đại số và lý thuyết số và một số lĩnh vực khác của			12		100		0		0	

toán học trong giảng dạy và các hoạt động chuyên môn.n				
PLO2.2. Hoàn thiện thể giới quan duy vật biện chứng, đạo đức khoa học, khả năng dẫn dắt chuyên môn, nhận định, đánh giá và quyết định phương hướng thực hiện nhiệm vụ được giao.	12	100	0	0
3. Kỹ năng giao tiếp và hợp tác				
PLO3.1. Thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động dạy học toán; Sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành Toán; Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4/6	12	100	0	0
PLO3.2. Thành thạo kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong hoạt động giảng dạy, ứng dụng Đại số và lý thuyết số và một số lĩnh vực khác của toán học.	12	100	0	0
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường				
PLO4.1. Hình thành ý tưởng, thiết kế các hoạt động dạy học và nghiên cứu ứng dụng Đại số và lý thuyết số trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong Đại số và lý thuyết số.	12	100	0	0
PLO4.2. Triển khai và vận hành các hoạt động dạy học và nghiên cứu ứng dụng Đại số và Lý thuyết số trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong đại số và lý thuyết số	12	100	0	0
Chuẩn đầu ra theo định hướng nghiên cứu	Đạt		Không đạt	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
1. Kiến thức ngành và chuyên ngành				

PLO1.1. Vận dụng sáng tạo các kiến thức nền tảng của Toán học hiện đại và một số lĩnh vực liên quan trong nghiên cứu, giảng dạy Đại số và lý thuyết số phù hợp với thực tiễn hoạt động chuyên môn.	12	100	0	0
PLO1.2. Tổng hợp được các kiến thức chuyên sâu, cập nhật, tiên tiến về lĩnh vực Đại số và lý thuyết số để triển khai các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy phù hợp với thực tiễn hoạt động chuyên môn đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế.	12	100	0	0
2. Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp				
PLO2.1. Thành thạo kỹ năng nghiên cứu khoa học trong Đại số và lý thuyết số và một số lĩnh vực khác của toán học.	12	100	0	0
PLO2.2. Hoàn thiện thể giới quan duy vật biện chứng, đạo đức khoa học, khả năng dẫn dắt chuyên môn, nhận định, đánh giá và quyết định phương hướng thực hiện nhiệm vụ được giao.	12	100	0	0
3. Kỹ năng giao tiếp và hợp tác				
PLO3.1. Thành thạo kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy toán; Sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành Toán; Đạt trình độ tiếng Anh bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.	11	91,67	1	8,33
PLO3.2. Thành thạo kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng	12	100	0	0

dạy Đại số và lý thuyết số và một số lĩnh vực khác của toán học.										
4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp, xã hội và môi trường										
PLO4.1. Hình thành ý tưởng, thiết kế các hoạt động nghiên cứu khoa học trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong Đại số và lý thuyết số	12	100	0	0						
PLO4.2. Triển khai và vận hành các hoạt động nghiên cứu khoa học trên cơ sở áp dụng các kiến thức, kỹ năng và phương pháp nghiên cứu trong Đại số và lý thuyết số	12	100	0	0						
10. Anh/chị cho biết các nội dung chương trình đào tạo của ngành mà anh/chị đã học cần được cải tiến ở các phần nào sau đây (môn học cơ sở ngành, chuyên ngành, luận văn, thi, kiểm tra,...): - Có 2 ý kiến cụ thể như sau: + Có 1 người có ý kiến: Môn học chuyên ngành phù hợp, nếu được có thể cải tiến chuẩn đầu ra tiếng anh + Có 1 người có ý kiến : Môn chuyên ngành, thi										
II. Đánh giá hoạt động đào tạo										
	Hoàn toàn không đồng ý (1)		Không đồng ý (2)		Đồng ý một phần (3)		Đồng ý (4)		Hoàn toàn đồng ý (5)	
Nội dung	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
11. Đội ngũ giảng viên sử dụng nhiều phương pháp dạy học để nâng cao hiệu quả giảng dạy	0	0	0	0	0	0	3	25	9	75
12. Đội	0	0	0	0	0	0	2	16,67	10	83,

ngũ giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và thực hiện nghiêm túc kế hoạch giảng dạy										33
13. Đội ngũ giảng viên luôn kết hợp lý thuyết với thực hành, ứng dụng	0	0	0	0	0	0	4	33,33	8	66, 67
14. Đội ngũ giảng viên luôn cập nhật, đổi mới nội dung bài giảng	0	0	0	0	0	0	2	16,67	10	83, 33
15. Đội ngũ giảng viên sử dụng hiệu quả CNTT trong giảng dạy	0	0	0	0	0	0	3	25	9	75
16. Đội ngũ giảng viên thường xuyên tạo môi trường	0	0	0	0	0	0	3	25	9	75

học tập tích cực cho học viên										
17. Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, sẵn sàng tiếp nhận và giải đáp thỏa đáng các đề nghị vướng mắc của học viên trong quá trình học tập	0	0	0	0	0	0	2	16,67	10	83,33
18. Kết quả học tập được đánh giá chính xác, công bằng	0	0	0	0	0	0	3	25	9	75
19. Phương pháp đánh giá tốt nghiệp thông qua luận văn tốt nghiệp là hợp lý và công bằng	0	0	0	0	0	0	3	25	9	75
20. Học viên được phổ biến và có thể	0	0	0	0	0	0	3	25	9	75

tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học										
21. Tất cả các học phần đều có đủ giáo trình chính và tài liệu tham khảo tại thư viện trường và khoa	0	0	0	0	0	0	6	50	6	50
22. Cán bộ phục vụ của Khoa nhiệt tình, thân thiện và sẵn sàng giúp đỡ học viên	0	0	0	0	0	0	4	33,33	8	66,67
23. Học viên nhận được sự hỗ trợ hiệu quả, thiết thực từ chủ nhiệm chuyên ngành, giảng viên phụ trách sau đại học của khoa	0	0	0	0	0	0	2	16,67	10	83,33
24. Học viên	0	0	0	0	0	0	4	33,33	8	66,67

nhận được sự hỗ trợ hiệu quả, thiết thực từ chuyên viên của phòng đào tạo sau đại học của Trường										
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

25. Trong thời gian học tập tại trường anh/chị đã tích lũy được các kỹ năng nào sau đây:

Kỹ năng	Có		Không	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
Tư duy sáng tạo	12	100	0	0
Làm việc độc lập	12	100	0	0
Làm việc theo nhóm	12	100	0	0
Giao tiếp, thuyết trình	12	100	0	0
Nắm bắt mục tiêu công việc	12	100	0	0
Thu thập, phân tích và đánh giá thông tin	12	100	0	0
Viết báo cáo	12	100	0	0
Giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn	12	100	0	0
Lập kế hoạch, điều phối	12	100	0	0
Nghiên cứu khoa học	12	100	0	0
Các kỹ năng khác	12	100	0	0

III. Đánh giá về hệ thống phục vụ đào tạo của trường

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý (1)		Không đồng ý (2)		Đồng ý một phần (3)		Đồng ý (4)		Hoàn toàn đồng ý (5)	
	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %	Số người	Tỷ lệ %
26. Công tác tổ chức đào tạo của trường tạo thuận lợi cho anh chị	0	0	0	0	1	8,33	5	41,67	6	50
27. Hệ thống phần mềm quản	0	0	0	0	1	8,33	4	33,33	7	58,34

lý đào tạo đáp ứng nhu cầu và dễ dàng sử dụng										
28. Trang web và hệ thống thông tin của trường đáp ứng nhu cầu và dễ dàng truy cập, tìm kiếm	0	0	0	0	1	8,33	3	25	8	66, 67
29. Máy tính và hệ thống mạng dùng cho truy cập thông tin học tập đáp ứng nhu cầu sử dụng của học viên	0	0	0	0	1	8,33	4	33,33	7	58, 34
30. Học viên được phổ biến, hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các chính sách, quy trình, quy định trong quá trình đào tạo	0	0	0	0	1	8,33	3	25	8	66, 67
31. Học viên được thường xuyên tham gia đánh giá lớp học phần và khảo sát về mức độ đáp	0	0	0	0	1	8,33	4	33,33	7	58, 34

ứng của nhà trường.										
32. Các buổi đối thoại với học viên, các hoạt động lấy ý kiến góp ý là thiết thực, hiệu quả; ý kiến của học viên được quan tâm, giải quyết thỏa đáng.	0	0	0	0	2	16,66	3	25	7	58,34
33. Học viên được phổ biến và có thể khiếu nại, phúc khảo kết quả thi, kiểm tra một cách dễ dàng.	0	0	0	0	1	8,33	3	25	8	66,67
34. Hệ thống giảng đường, phòng học, khu tự học của nhà trường đầy đủ, rộng rãi, thoáng mát, thuận lợi cho việc học tập	0	0	0	0	1	8,33	4	33,33	7	58,34
35. Trang thiết bị trong phòng học, phòng thực hành/thí nghiệm có đầy đủ, hoạt	0	0	0	0	1	8,33	2	16,67	9	75

động tốt và hiệu quả										
36. Các đơn vị chức năng trong trường giải quyết các thắc mắc của học viên hiệu quả, kịp thời, nhanh chóng.	0	0	0	0	1	8,33	4	33,33	7	58,34
37. Cán bộ quản lý và nhân viên đơn vị chức năng có thái độ phục vụ nhiệt tình, thân thiện	0	0	0	0	1	8,33	3	25	8	66,67
38. Môi trường sinh hoạt trong và xung quanh khuôn viên trường là an toàn, thân thiện, sạch sẽ, văn minh	0	0	0	0	1	8,33	2	16,67	9	75
39. Anh/Chị đánh giá sự hài lòng của mình về chất lượng phục vụ của các đơn vị sau đây:										
Đơn vị	Chưa tiếp xúc hoặc không có ý kiến (1)			Không hài lòng (2)		Hài lòng (3)				
	Số ngư ời	Tỷ lệ %		Số người	Tỷ lệ %		Số người	Tỷ lệ %		
Phòng Hành chính tổng hợp	0	0		1	8,33		11	91,67		
Phòng Đào tạo Sau đại học	0	0		1	8,33		11	91,67		
Phòng Công tác chính trị HS- SV	0	0		1	8,33		11	91,67		

Phòng Khoa học và hợp tác quốc tế	1	8,33	1	8,33	10	83,34
Trung tâm đảm bảo chất lượng	0	0	1	8,33	11	91,67
Phòng Kế hoạch - Tài chính	1	8,33	1	8,33	10	83,34
Phòng Quản trị và đầu tư	2	16,67	1	8,33	9	75
Phòng Thanh tra – Pháp chế	2	16,67	1	8,33	9	75
Đoàn Thanh Niên	1	8,33	1	8,33	10	83,34
Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp	1	8,33	1	8,33	10	83,34
Trạm Y tế trường	2	16,67	1	8,33	9	75
Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào	0	0	1	8,33	11	91,67
Ký túc xá	3	25	1	8,33	8	66.67
Tổ bảo vệ, nhà xe học viên	0	0	1	8,33	11	91,67
Văn phòng Khoa/Viện/Trường	0	0	1	8,33	11	91,67

2.4.2. Đánh giá và nhận xét về số liệu khảo sát học viên khóa học

Nhận xét:

- Về CTĐT chung: Với 5 mức đánh giá nhưng 100% học viên đã chọn mức “đồng ý” và “rất đồng ý” trong đó mức “rất đồng ý” chiếm đa số với tỷ lệ 75% trở lên. 3 mức thấp còn lại không có người nào chọn tương ứng với tỷ lệ 0%.
- Về CDR của Ngành Đại số và lý thuyết số: với 2 cấp độ đánh giá “đạt” hay “không đạt” thì ở tất cả các nội dung khảo sát, tại cả 2 định hướng nghiên cứu và ứng dụng, thì đều có 87,5 % chọn mức đạt, 12,5% chọn mức “không đạt”. Trong phần này có thêm ý kiến bổ sung từ 1 học viên là cần cải tiến tiếng Anh đạt chuẩn đầu ra và 1 ý kiến đề cập tới cải tiến vấn đề kiểm tra.
- Về đánh giá hoạt động đào tạo: Hầu hết các học viên đã chọn mức “đồng ý” hoặc “hoàn toàn đồng ý” với tỷ lệ 87,5% -100%. Không có học viên chọn các mức đánh giá thấp hơn. Tại nội dung khảo sát thuộc câu 25 về việc có/ không tích lũy được các kỹ năng thu nhận được trong khóa học, 87,5% các học viên đều chọn mức “Có”, 12,5% chọn mức “Không”.

- Về hệ thống phục vụ đào tạo của trường: Hầu hết các học viên khảo sát đều chọn mức “đồng ý” và “hoàn toàn đồng ý: với tỷ lệ 90%, mà không chọn các mức thấp còn lại. Tuy nhiên về nội dung khảo sát số 1 về ‘Công tác tổ chức đào tạo của trường tạo thuận lợi cho anh chị ?’, có 12,5% đã chọn mức “ đồng ý một phần”.

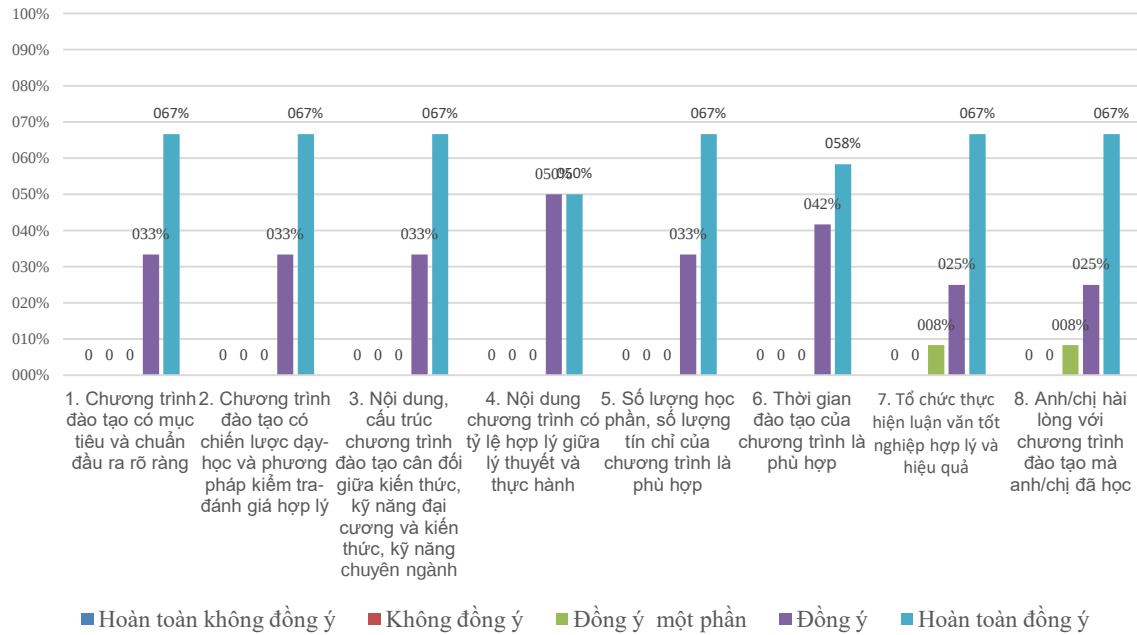
Tại nội dung khảo sát thuộc câu 39 về sự hài lòng chất lượng phục vụ của các đơn vị, tỷ lệ chọn mức hài lòng cao tương ứng tỷ lệ 87,5% tương ứng với các đơn vị: Trung tâm đảm bảo chất lượng, Thư viện, tổ nhà xe – bảo vệ, văn phòng khoa/ viện; các đơn vị còn lại tỷ lệ chọn mức hài lòng thấp từ 50% trở xuống; tỷ lệ không hài lòng 12,5% rơi vào các đơn vị như phòng quản trị - đầu tư; hợp tác quốc tế; hành chính tổng hợp, trạm y tế.

Đánh giá:

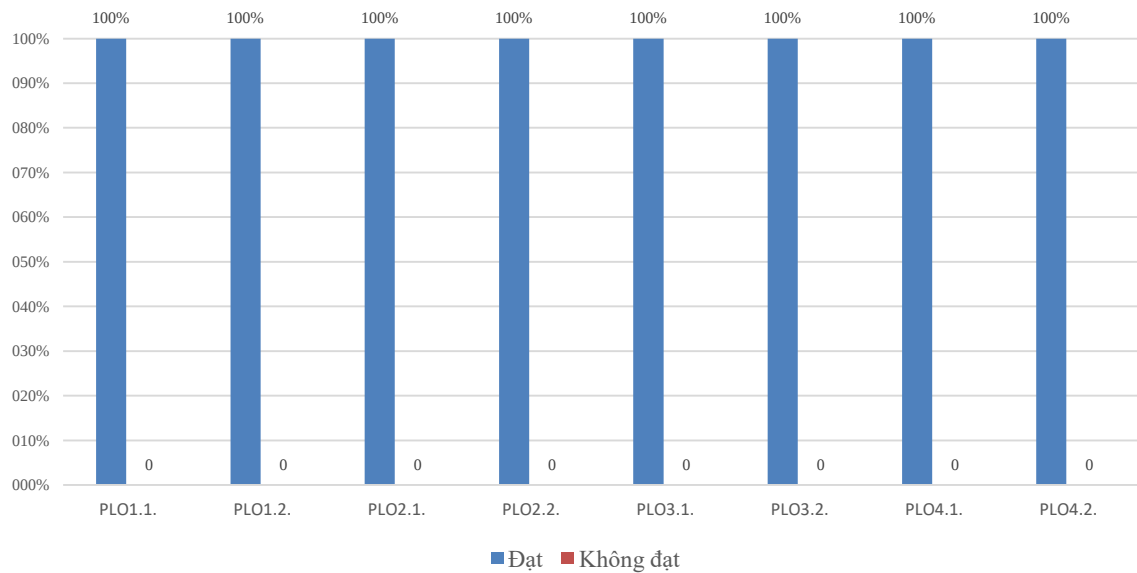
Các kết quả khảo sát đối với học viên khóa học về CTĐT chung và CDR của ngành Hóa phân tích cho thấy tỷ lệ đồng ý với nội dung khảo sát chiếm tỷ lệ cao (từ 75% trở lên), tuy nhiên căn cứ vào các nội dung khảo sát ở tỷ lệ cận thấp (75%) chỉ ra rằng cần lưu ý vấn đề về tính đo lường, đánh giá, tính rõ ràng của mục tiêu và CDR; các phương pháp kiểm tra, đánh giá trong quá trình dạy học; công tác triển khai luận văn tốt nghiệp hiệu quả, khả năng đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ là những vấn đề cần xem xét và cải tiến.

Các kết quả khảo sát về quá trình đào tạo cần chú ý cần tạo thuận lợi hơn cho người học trong công tác tổ chức quá trình đào tạo; trang web và hệ thống thông tin của trường cần đáp ứng nhu cầu và dễ dàng truy cập, tìm kiếm hơn; ý kiến của học viên phải được quan tâm, giải quyết thỏa đáng hơn. Với tỷ lệ hài lòng và không hài lòng rất khác nhau của các đơn vị trong nhà trường đối với công tác đào tạo thạc sĩ ngành Hóa phân tích cho thấy cần nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ của các đơn vị trong nhà trường để hỗ trợ công tác đào tạo thạc sĩ ngành Đại số và lý thuyết số nói riêng và các bậc học nói chung đạt hiệu quả và chất lượng tốt.

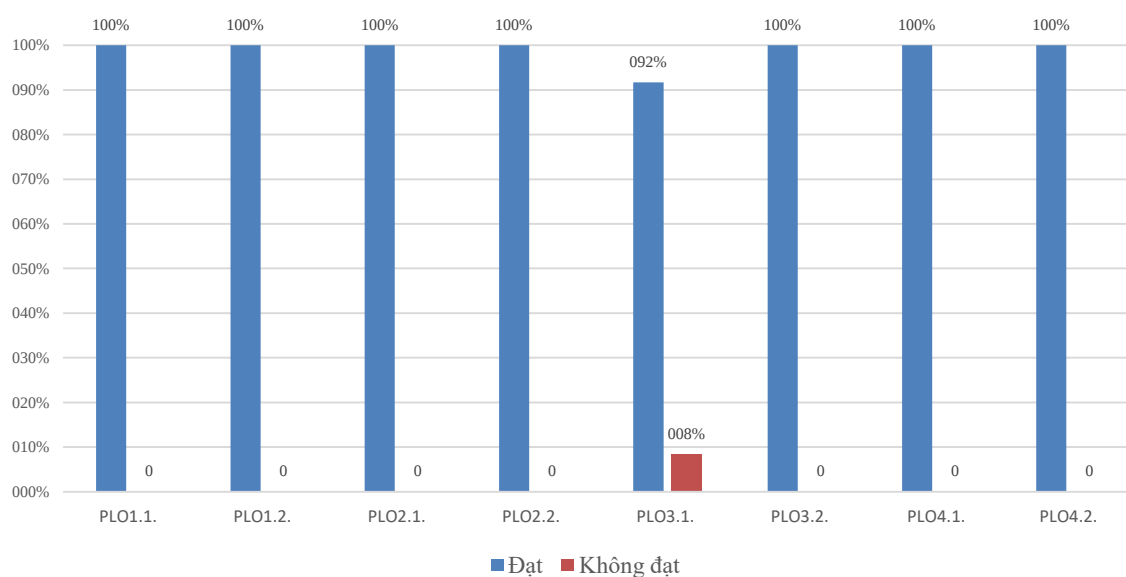
Hình 1. Khảo sát học viên khóa học về CTĐT CHUNG VÀ CDR



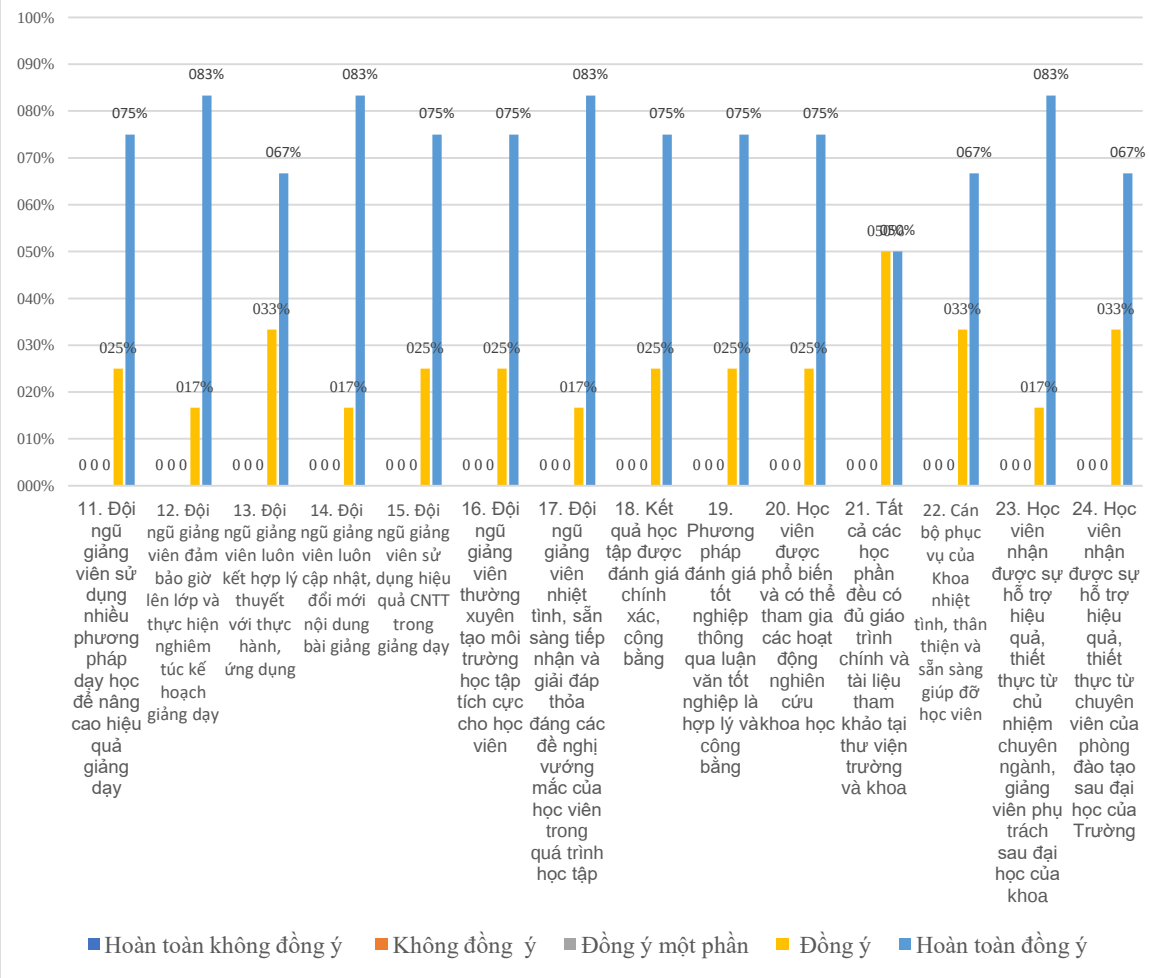
Hình 2. Khảo sát học viên khóa học về mức độ bản thân đạt được các chuẩn đầu ra theo định hướng ứng dụng



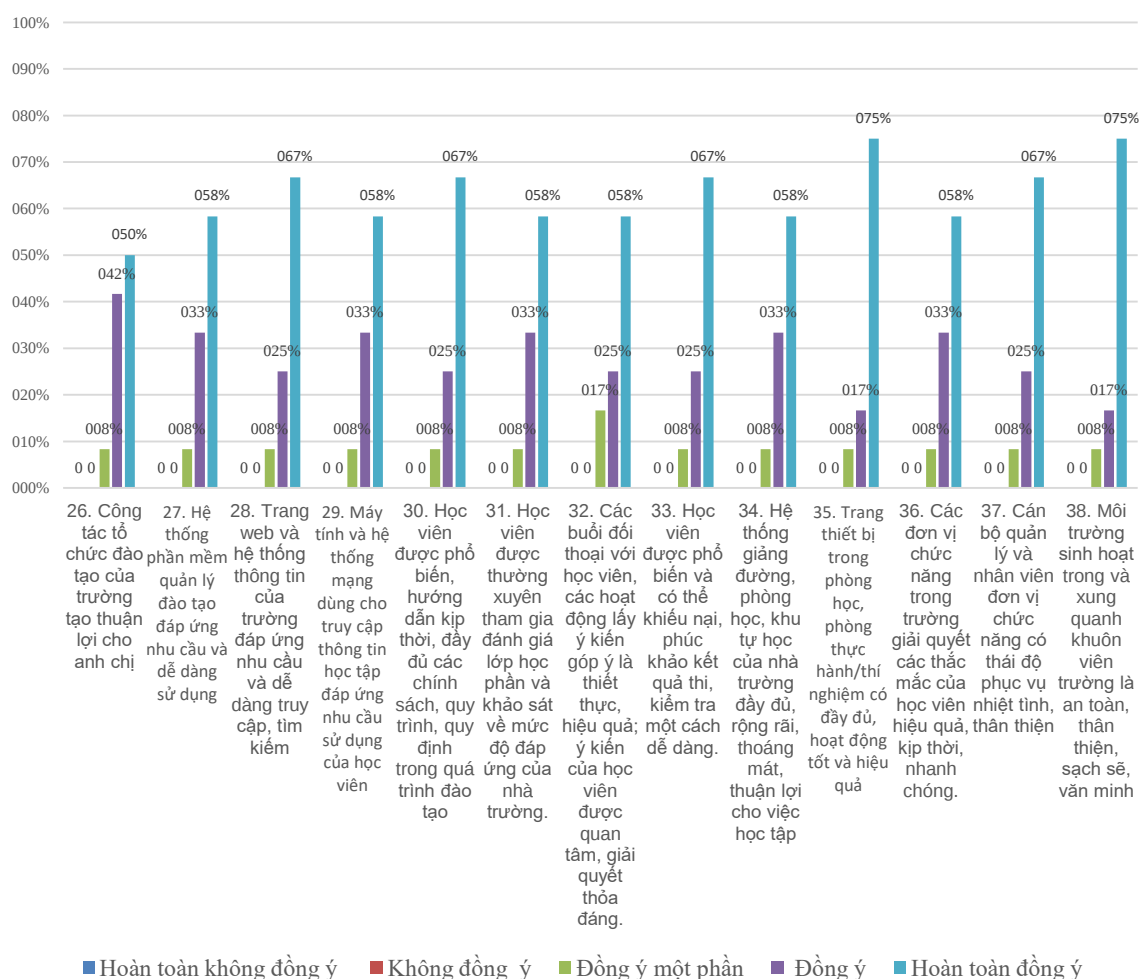
**Hình 3. Khảo sát học viên khóa học
về mức độ bản thân đạt được các chuẩn đầu ra theo định
hướng nghiên cứu**



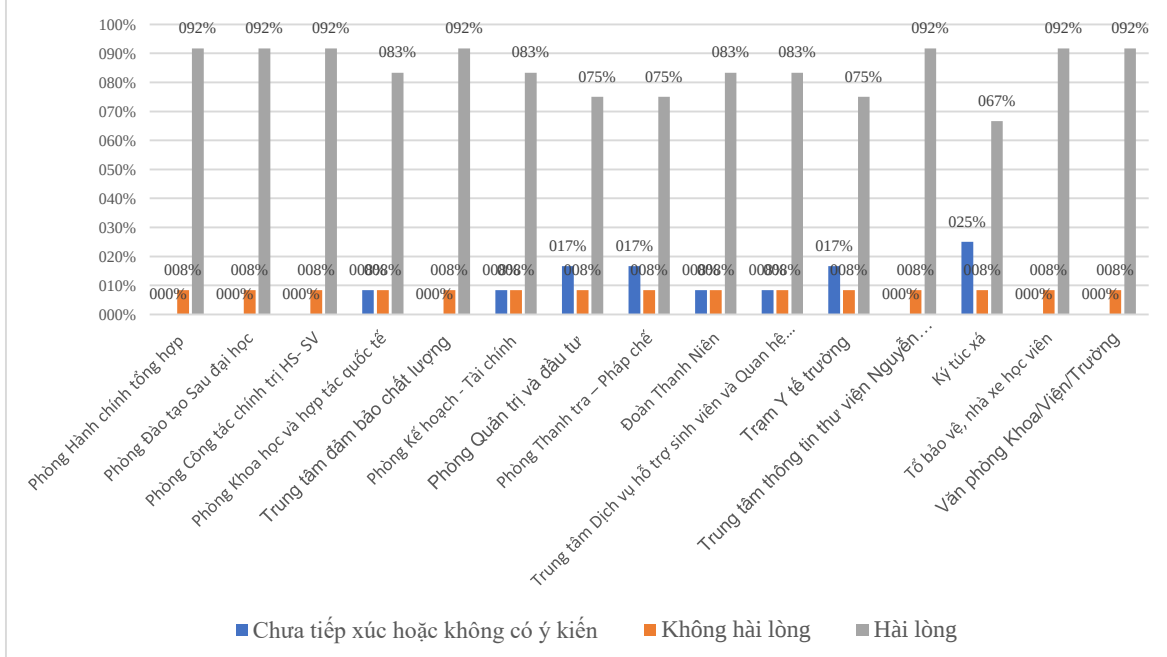
Hình 4. Khảo sát học viên khóa học về hoạt động đào tạo



Hình 5. Khảo sát học viên khóa học về hệ thống phục vụ đào tạo của trường



Hình 6. Khảo sát học viên khóa học về hoạt động đào tạo



3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Trên cơ sở tổng hợp ý kiến khảo sát của các bên liên quan bao gồm 4 nhóm đối tượng: Giảng viên, Nhà tuyển dụng, Cựu học viên, Học viên về khóa học, ngành Đại số và lý thuyết số thống nhất một số nội dung điều chỉnh như sau:

3.1. Về chương trình đào tạo chung và chuẩn đầu ra

- Chuẩn đầu ra cần phát biểu rõ ràng, cụ thể để đo lường đánh giá được.
- Đề xuất với nhà trường cần có giải pháp nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngoại ngữ cho các học viên cao học ngành Đại số và lý thuyết số đáp ứng nhiệm vụ học tập cũng yêu cầu nghề nghiệp. Các học phần của ngành phụ trách được phân nhiệm CDR ngoại ngữ cần có các kế hoạch, phương pháp, dạy học kiểm tra đánh giá cụ thể hiệu quả nhằm nâng cao kỹ năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành.

- Cần xem xét tăng cường một số kỹ năng cho học viên cao học Ngành Đại số và lý thuyết số như: kỹ năng lãnh đạo, thiết lập kế hoạch, điều phối, mục tiêu công việc, thực hành, thực tế; muốn như vậy cần nâng cao chất lượng các hoạt động thực hiện đồ án tại các học phần triển khai theo hình thức dạy học đồ án, thực tập, luận văn.

3.2. Về các hoạt động hỗ trợ đào tạo của Nhà trường

- Cần tạo thuận lợi hơn cho người học trong công tác tổ chức quá trình đào tạo: Bố trí thời gian học, thi phù hợp.

- Cải tiến và hoàn thiện trang web và hệ thống thông tin của trường cần đáp ứng nhu cầu và dễ dàng truy cập, tìm kiếm.

- Nâng cao chất lượng phục vụ của các đơn vị trong nhà trường đặc biệt các đơn vị thường xuyên liên quan trực tiếp với học viên cao học.

Nghệ An, ngày 30 tháng 11 năm 2023

Chủ nhiệm đề tài

Nguyễn Thị Hồng Loan